ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:287 /KH-UBND	*Văn Quan, ngày 07 tháng 10 năm 2024*

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ và Chương trình hành động số 126-CTr/TU ngày 02/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới

Căn cứ Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới;

Thực hiện Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 12/8/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn về thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ và Chương trình hành động số 126-CTr/TU ngày 02/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới; Kế hoạch số 404-KH/HU ngày 16/9/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy Văn Quan về thực hiện Chương trình số 126-CTr/TU ngày 02/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới,

UBND huyện Văn Quan xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Chương trình hành động số 126-CTr/TU như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nội dung của Nghị quyết số 42-NQ/TW, Kế hoạch số 19-KH/TW, Nghị quyết số 68/NQ-CP và Chương trình hành động số 126-CTr/TU tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của các tổ chức trong hệ thống chính trị về lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và cụ thể hoá chính sách, nâng cao chất lượng chính sách xã hội theo hướng toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững.

- Đẩy mạnh huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực thực hiện chính sách xã hội đảm bảo đúng mục tiêu, phù hợp với khả năng của địa phương, trong đó nguồn lực Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, nguồn lực của xã hội là quan trọng; kết hợp nguồn lực trong nước và ngoài nước. Nâng cao hiệu quả hợp tác giữa Nhà

nước, tư nhân, tổ chức xã hội, cộng đồng và Nhân dân trong quản lý, phát triển xã hội bền vững phù hợp với tình hình thực tế của huyện.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, đơn vị bám sát nội dung Nghị quyết số 42-NQ/TW, Kế hoạch số 19-KH/TW, Nghị quyết số 68/NQ-CP và Chương trình hành động số 126-CTr/TU để triển khai thực hiện nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, đồng bộ từ huyện đến cơ sở, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; sự tham gia tích cực, chủ động, hiệu quả của các tầng lớp Nhân dân.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách xã hội bảo đảm tiến bộ, bền vững, công bằng; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tạo cơ hội cho Nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững. Phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, bền vững gắn liền với bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện tốt phương châm 3 an *(an sinh, an ninh, an toàn)*, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân; giảm khoảng cách chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, miền núi, bảo đảm mọi người dân đều được hưởng thành quả của sự phát triển.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng trên địa bàn huyện được chăm lo toàn diện cả vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

- Tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 3%; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt khoảng 76%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 35% - 40%.

- Trên 60% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội; 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

- 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội.

- 100% hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định.

- 100% người có hoàn cảnh khó khăn được đảm bảo mức sống tối thiểu.

- 100% hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội.

- Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi đạt 100%; tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 100%; cấp trung học cơ sở đạt 100%, cấp trung học phổ thông và tương đương đạt 98%; tiếp tục duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- Duy trì mức sinh thay thế của quốc gia; tuổi thọ trung bình của người dân khoảng 75 tuổi; số năm sống khoẻ đạt tối thiểu 68 năm; chỉ số phát triển con người (HDI) > 0,7; đạt 35 giường bệnh viện; 15 bác sỹ; 3,4 dược sỹ; 25 điều dưỡng viên trên 10.000 dân; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 95%; trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khoẻ ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; trên 99% dân số được quản lý sức khoẻ; tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 95%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 15%; cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và duy trì thành quả loại trừ sốt rét.

- Xoá bỏ hoàn toàn tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu; diện tích nhà ở bình quân đầu người trên địa bàn huyện đạt khoảng 35m² sàn/người; 100% hộ gia đình ở thành thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; 100% hộ gia đình, trường học, trạm y tế có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt; 15% nước thải sinh hoạt được xử lý.

- Trên 75% người dân sinh sống trên địa bàn huyện và 80% các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hoá, nghe, xem các kênh phát thanh, truyền hình của quốc gia và địa phương.

(Có Phụ lục các chỉ tiêu chi tiết kèm theo).

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Tham gia xây dựng và thực hiện hiệu quả hệ thống chính sách xã hội phát triển toàn diện, bền vững, tiến bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng con người Văn Quan đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

1.1. Công tác tuyên truyền

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò đặc biệt quan trọng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới. Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền với hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

- Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến, những hạn chế, yếu kém, vi phạm trong quá trình thực hiện chính sách xã hội.

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn.

1.2. Công tác khen thưởng

- Tham mưu xây dựng hướng dẫn khen thưởng khi tổng kết Nghị quyết 42-NQ/TW.

- Lựa chọn các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, Nghị quyết số 68/NQ-CP và Chương trình hành động số 126-CTr/TU để trình Chủ tịch UBND tỉnh, huyện khen thưởng theo quy định hiện hành, tôn vinh các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách xã hội, các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến; xử lý những tổ chức, cá nhân vi phạm trong quá trình thực hiện chính sách xã hội.

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Nội vụ.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn.

2. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội

2.1. Rà soát hoàn thiện cơ chế, chính sách xã hội

Thường xuyên rà soát, tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về chính sách xã hội đảm bảo thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 42-NQ/TW trong từng giai đoạn phát triển của đất nước và tiệm cận với tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo bình đẳng giới và tính bền vững của chính sách xã hội; tham mưu ban hành cơ chế, chính sách xã hội phù hợp với các đối tượng đặc thù.

a) Cơ quan chủ trì: các phòng, ban, ngành chức năng thực hiện chính sách[1].

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn.

2.2. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện chính sách xã hội

Phối hợp, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ tham mưu, triển khai, quản lý thực hiện chính sách xã hội từ tỉnh đến cơ sở phù hợp với tình hình thực tiễn.

a) Cơ quan chủ trì: các phòng, ban, ngành chức năng thực hiện chính sách.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn.

2.3. Tổ chức bộ máy quản lý, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong tổ chức thực hiện chính sách xã hội

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong tổ chức thực hiện chính sách; cải cách hành chính theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, nêu cao trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân tiếp cận chính sách xã hội.

[1] Theo nhiệm vụ phân công tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch.

- Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về chính sách xã hội từ huyện đến cơ sở; tăng cường vai trò giám sát của Nhân dân.

- Đổi mới phương thức đánh giá chất lượng tổ chức thực hiện chính sách, lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của Nhân dân làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến thực hiện chính sách xã hội.

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Nội vụ.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn.

2.4. Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, số hoá quy trình quản lý, tổ chức thực hiện chính sách

Từng bước áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành liên quan đến chính sách xã hội, bảo đảm liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân. Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số.

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn.

2.5. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chính sách

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, đánh giá định kỳ việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật.

- Tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong việc thực hiện chính sách xã hội; tạo điều kiện phát huy vai trò giám sát việc tổ chức thực hiện các chính sách xã hội từ người dân, trong cộng đồng.

a) Cơ quan chủ trì: các phòng, ban, ngành chức năng thực hiện chính sách.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội, UBND các xã, thị trấn.

2.6. Phân bổ vốn, huy động nguồn lực

Tham mưu UBND huyện xây dựng kế hoạch và bố trí vốn đầu tư công, vốn ODA và huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách thực hiện đầu tư các mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn.

3. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

3.1. Thực hiện chính sách

- Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người có công, nhất là người ở khu vựcbiên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người gặp khó khăn trong cuộc sống. Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung thêm các chính sách ưu tiên trong chăm sóc sức khoẻ, nhà ở, giáo dục và đào tạo, việc làm, sản xuất và tạo thuận lợi cho người có công và thân nhân tiếp cận các dịch vụ xã hội. Triển khai đồng bộ, hiệu quả, huy động mọi nguồn lực phấn đấu bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công gặp khó khăn về nhà ở được hỗ trợ và có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

- Cơ bản hoàn thành việc giải quyết những tồn đọng trong thực hiện chính sách ưu đãi người có công, nhất là công tác xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; tiếp tục ưu tiên bố trí kinh phí xây dựng, tu bổ, tôn tạo mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn huyện. Phát huy truyền thống đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", khuyến khích tổ chức, cá nhân và toàn xã hội tích cực tham gia các phong trào "Đền ơn đáp nghĩa".

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Lao động Thương binh, Xã hội - Dân tộc.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn.

3.2. Công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ

Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin trên địa bàn huyện, tập trung vào khu vực, nơi xảy ra chiến sự ác liệt trong các cuộc chiến tranh.

a) Cơ quan chủ trì: Ban Chỉ huy Quân sự huyện.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn.

4. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

4.1. Nâng cao chất lượng, thực hiện hiệu quả chính sách dân số

Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả chính sách dân số và phát triển theo hướng có quy mô, cơ cấu, phân bố hợp lý, cân bằng tỉ số giới tính khi sinh ở mức tự nhiên và duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh và nhóm dân cư. Nâng cao chất lượng dân số, tận dụng hiệu quả thời kỳ dân số vàng, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

a) Cơ quan chủ trì: Trung tâm Y tế.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn.

4.2. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động

- Đổi mới giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động. Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại cho lực lượng lao động các ngành nghề phù hợp, góp phần

chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện và xu hướng hội nhập quốc tế. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về phát triển nguồn nhân lực, phát triển thị trường lao động[2]; phát triển về quy mô đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy nghề theo 3 cấp trình độ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chuyển đổi cơ cấu lao động đặc biệt là nhân lực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghiệp phụ trợ chủ lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đa dạng hoá các hình thức, các phương pháp dạy nghề phù hợp với đối tượng học nghề và yêu cầu sản xuất, ưu tiên đào tạo nhân lực cho người dân tộc thiểu số và các vùng đặc biệt khó khăn bằng các hình thức phù hợp.

- Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục nghề nghiệp, tăng cường gắn kết giữa doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo gắn với thực tiễn và nhu cầu của doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề cho người lao động.

- Thực hiện các chương trình, kế hoạch, các giải pháp phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiệu quả, đồng bộ với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang triển khai trên địa bàn. Thúc đẩy xây dựng và củng cố quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ; tăng cường đối thoại, thương lượng, ký kết lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động đúng pháp luật. Hiện đại hoá, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm.

- Tiếp tục thực hiện mục tiêu giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm dần tỷ lệ lao động nông nghiệp, tăng dần tỷ lệ lao động trong lĩnh vực phi nông nghiệp; mở rộng tín dụng chính sách xã hội, tạo điều kiện cho người lao động tiếp cận về vốn để tổ chức sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập, tăng cơ hội việc làm bền vững cho người trong và sau độ tuổi lao động. Thúc đẩy thực hiện chính sách

---

[2]Nghị quyết số 69-NQ/TU ngày 15/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 68-KH/TU ngày 17/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 69-NQ/TU ngày 15/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 127-KH/TU ngày 16/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch số 127-KH/TU ngày 16/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

việc làm công tại các địa bàn, nhất là trong điều kiện nền kinh tế gặp khó khăn, người lao động mất việc làm, thiếu việc làm.

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn.

5. Củng cố, phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

5.1. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền theo hướng thường xuyên và liên tục, đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền nhằm bảo đảm các đối tượng tiếp cận đầy đủ thông tin, qua đó nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và mọi người dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH). Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 103-CTr/TU ngày 26/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách BHXH.

- Tiếp tục chủ trì, phối hợp, tham mưu cho UBND huyện, Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT) huyện trong việc triển khai, thực hiện chính sách BHXH, BHYT trên địa bàn huyện, tạo cơ hội tham gia và bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động. Thực hiện BHXH bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật. Phối hợp tham mưu chính sách hỗ trợ thêm mức đóng BHXH tự nguyện, BHYT từ ngân sách nhà nước cho nông dân, người nghèo, người thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức tham gia BHXH tự nguyện, BHYT. Tiếp tục mở rộng, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu BHYT toàn dân.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách BHXH, BHYT; quản lý và sử dụng các quỹ BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp an toàn, hiệu quả, bền vững theo quy định.

a) Cơ quan chủ trì: Bảo hiểm xã hội huyện.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn.

5.2. Thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội

- Đẩy mạnh thực hiện chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp trong nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động để duy trì việc làm bền vững, chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thất nghiệp; nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo để chuyển đổi nghề cho người lao động thất nghiệp.

- Phát triển mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật và người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người bị bạo lực gia đình và người bị bạo lực trên cơ sở giới; xây dựng đội ngũ làm công tác xã hội chuyên nghiệp; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ

trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững. Đổi mới việc huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp; quản lý, sử dụng quỹ cứu trợ xã hội từ thiện, nhân đạo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật.

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Rà soát, tham mưu hoàn thiện chính sách ưu tiên hỗ trợ cho người không có khả năng lao động, người khuyết tật, người cao tuổi và gia đình có trẻ em, người thu nhập thấp.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách giảm nghèo; tổng kết việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế; nâng cao chất lượng cuộc sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân ở vùng sâu, vùng xa. Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn.

6. Bảo đảm người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản

6.1. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo

- Thực hiện các giải pháp đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là hiện đại hóa, đa dạng hóa phương thức giáo dục, đào tạo. Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hoá mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học. Củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xoá mù chữ, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi. Chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, cả về quy mô, chất lượng, hiệu quả, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, khu công nghiệp, khu đông dân cư. Phấn đấu nâng cao tỷ lệ đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông. Tăng cường giáo dục hoà nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hoá trong quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên. Thúc đẩy chủ trương xã hội hoá góp phần hỗ trợ khu vực công thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo.

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Giáo dục và Đào tạo.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn.

6.2. Công tác y tế

Xây dựng hệ thống y tế chất lượng, bảo đảm điều kiện tiếp cận và chăm sóc sức khoẻ cho người dân hướng tới BHYT toàn dân. Chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khoẻ tâm thần, chăm sóc sức khoẻ phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em; triển khai các chương trình bổ sung vi chất cần thiết cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, người cao tuổi; khám sức khoẻ định kỳ cho Nhân dân; quản lý các bệnh mãn tính đối với người cao tuổi. Thực hiện có hiệu quả chính sách dinh dưỡng, giải quyết tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em, đặc biệt ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nâng cao tầm vóc, thể lực người dân; bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa có hiệu quả dịch bệnh, bảo đảm an ninh y tế; phát triển y tế học đường, y học gia đình. Tăng cường chuyển đổi số trong công tác quản lý, trong quản lý hồ sơ sức khoẻ điện tử, BHYT.

a) Cơ quan chủ trì: Trung tâmY tế.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn.

6.3. Công tác phát triển văn hóa

Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, văn minh; khôi phục, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá vật thể, phi vật thể của các dân tộc trong huyện; đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động văn hóa, gắn việc khai thác các giá trị văn hóa với quảng bá hình ảnh và xúc tiến du lịch, đưa sản phẩm văn hóa trở thành nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hoá giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền, các đối tượng chính sách và đối tượng yếu thế.

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn.

6.4. Công tác thông tin

- Thực hiện chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin theo hướng bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận và bảo vệ người dân, đặc biệt là trẻ em, nhóm yếu thế được an toàn trên môi trường mạng. Tăng cường phổ cập dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số. Thiết lập các cụm thông tin điện tử, thông tin đối ngoại, dịch vụ công cộng phục vụ thông tin tuyên truyền trên địa bàn huyện, nhất là tại các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn.

- Chỉ đạo các cơ quan truyền thông, hệ thống thông tin cơ sở phối hợp với các phòng, ban, ngành và địa phương liên quan trong công tác tuyên truyền các chủ trương, định hướng về chính sách xã hội và từng lĩnh vực.

a) Cơ quan chủ trì: Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn.

6.5. Hỗ trợ nhà ở

- Chú trọng triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển nhà ở huyện Văn Quan đến năm 2030; thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu của Trung ương và địa phương để phát triển hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội, người thu nhập thấp và người nghèo gặp khó khăn về nhà ở nhằm bảo đảm người dân có chỗ ở thích hợp, chất lượng, an toàn góp phần ổn định chính trị, đảm bảo an sinh xã hội và phát triển đô thị, nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại, đảm bảo tiết kiệm nguồn lực, đặc biệt là tài nguyên đất đai.

- Nghiên cứu, tham mưu đề xuất, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới để hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về nhà ở xã hội; phát triển đa dạng các loại hình nhà ở và cơ chế, chính sách mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội cho các đối tượng theo quy định và nhà lưu trú cho công nhân, người lao động; chú trọng hỗ trợ nhà ở và đất ở cho người có công với cách mạng, người nghèo và các đối tượng chính sách, đảm bảo phù hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và kế hoạch phát triển nhà ở từng giai đoạn của tỉnh; kết hợp linh hoạt giữa các chính sách hỗ trợ của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp, cá nhân.

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn.

6.6. Về nước sạch, vệ sinh môi trường

- Tăng cường phối hợp giữa các phòng, ban, ngành liên quan, UBND các xã, thị trấn trong truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước và sử dụng nước sạch tiết kiệm, hiệu quả; tổ chức tuyên truyền, tập huấn, vận động, khuyến khích người dân tích cực sử dụng các nguồn nước sạch phục vụ sinh hoạt; sử dụng các biện pháp phù hợp để thu gom xử lý nước thải sinh hoạt hộ gia đình, các điểm dân cư tập trung.

- Tập trung triển khai thực hiện tốt các Kế hoạch của UBND tỉnh: số 38/KH-UBND ngày 16/02/2023 thực hiện chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; số 51/KH-UBND ngày 02/3/2023 thực hiện chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; số 149/KH-UBND ngày 06/7/2023 thực hiện cấp nước an toàn khu vực nông thôn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2024 - 2028.

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Y tế, Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn.

6.7. Về môi trường

Thực hiện nghiêm chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo vệ môi trường khu dân cư nhằm cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của

Nhân dân. Lồng ghép, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong phát triển kinh tế - xã hội; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường, nhất là vấn đề rác thải, khí thải, nước thải.

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn.

6.8. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

- Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng, nhất là người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác xã hội hiểu biết pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp. Nâng cao chất lượng các dịch vụ việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng, trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật không nơi nương tựa. Phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng, mô hình chăm sóc và trợ giúp xã hội ngoài công lập; phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em.

- Đẩy mạnh việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng chính sách trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn.

7. Đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ nguồn lực quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

7.1. Thẩm định, xem xét việc triển khai hoặc tiếp nhận nguồn vốn viện trợ thực hiện tại địa bàn cho các chính sách xã hội trên cơ sở đề nghị của các phòng, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức đảm bảo theo quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của địa phương.

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

b) Cơ quan phối hợp: Công an huyện và các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn.

7.2. Đẩy mạnh công tác đề xuất đặt hàng các đề tài, dự án khoa học và công nghệ nhằm phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động, bảo đảm an sinh xã hội, trợ giúp xã hội. Phát huy các phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong các tầng lớp Nhân dân, người lao động trong các lĩnh vực để phát huy nguồn nhân lực có khả năng nghiên cứu, cải tiến, sáng tạo từ thực tiễn lao động sản xuất.

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

b) Cơ quan phối hợp: các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn.

8. Phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trong thực hiện chính sách xã hội

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị - xã hội huyện: tăng cường phối hợp tuyên truyền về nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, hệ thống chính trị các cấp, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thực hiện chính sách xã hội.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các tổ chức chính trị - xã hội huyện và các tổ chức xã hội quần chúng thường xuyên lắng nghe, phản ánh, phối hợp giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội; tiếp tục thực hiện tốt Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; Quyết định số 319-QĐ/TU, ngày 13/6/2016 ban hành Quy định trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp trong việc tiếp thu góp ý của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận của hội viên, đoàn viên và Nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển các loại hình cung cấp dịch vụ xã hội và tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc

Là cơ quan thường trực, có trách nhiệm phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi và đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này của các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn; là đầu mối tổng hợp đề xuất UBND huyện giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai, thực hiện; tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND huyện để báo cáo kết quả thực hiện với Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy trước ngày 10/12 hằng năm.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, định hướng các cơ quan truyền thông, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn huyện tổ chức thông tin, tuyên truyền các chủ trương, định hướng tổng thể về chính sách xã hội và từng lĩnh vực.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu UBND huyện bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo phân cấp quản lý ngân sách; hướng dẫn cơ quan chủ trì lập dự toán, sử dụng kinh phí và thanh, quyết toán theo quy định.

4. Các phòng, ban, ngành, đơn vị liên quan

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao nghiêm túc tổ chức, triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất, toàn diện nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Kế hoạch này; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của phòng, ban, ngành, địa phương mình, kịp thời xử lý vấn đề phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao; ưu tiên bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch.

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ của ngành, đơn vị được giao chủ trì thực hiện.

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này đến từng cán bộ, công chức, viên chức, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, hiểu rõ tầm quan trọng về việc tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

- Định kỳ hằng năm, báo cáo kết quả, tiến độ triển khai thực hiện, những đề xuất, kiến nghị về UBND huyện *(qua Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc tổng hợp trước ngày 10/11)* để báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các tổ chức chính trị - xã hội huyện

- Vận động các cá nhân, tổ chức, hội viên và quần chúng Nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia thực hiện Kế hoạch này.

- Phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban, ngành, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Chương trình hành động số 126-CTr/TU.

6. UBND các xã, thị trấn

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, Chương trình hành động số 126-CTr/TU và Kế hoạch này; chủ động bố trí ngân sách, nhân lực, lồng ghép kinh phí các chương trình, các đề án có liên quan trên địa bàn để đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch đã đề ra.

- Báo cáo kết quả thực hiện theo quy định, mức độ hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đạt được trên địa bàn (có số liệu cụ thể), những khó khăn, hạn chế, về UBND huyện *(qua Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc trước ngày 10/11 hàng năm).*

UBND huyện yêu cầu các phòng, ban, ngành liên quan, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch; trong

quá trình triển khai thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND huyện *(qua Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc)* để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh (B/c);
- TT Huyện ủy (B/c);
- TT HĐND huyện (B/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- CVP, PCVP HĐND & UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐTBXHDT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN T. LẠNG SƠN

Triệu Đức Dũng